
REVIVING TRADITIONS IN FUNERAL RITES - A CASE STUDY IN NINH HIỆP COMMUNE, GIA LÂM DISTRICT, HANOI

Le Thi Thuy Ly

Institute of Cultural Studies - Vietnam Academy of Social Sciences

Email: *lethithuyly@gmail.com*.

Received: 20/9/2024

Reviewed: 21/9/2024

Revised: 26/9/2024

Accepted: 06/01/2025

Released: 15/01/2025

This article deals with the restoration of traditional funeral rituals in a famous trading village in the suburbs of Hanoi today. Specifically, it is the return of the custom of taking care of the graves of the deceased and having friends and relatives visit the deceased's family for 49 consecutive days after the funeral. The research results show that traditional culture will not always disappear or fade away in the context of modernization as many modern theories have predicted, but can still exist and even develop more strongly. This reflects the multidimensionality of human cultural practices related to village norms, face, emotions, calculations, the desire to build identity, etc., which are subtly intertwined in what governs behaviors related to this issue.

Key words: The restoration of tradition; Funeral rituals.

1. Giới thiệu

Ninh Hiệp là làng buôn vải vóc và thuốc bắc nổi tiếng có tuổi đời gần nghìn năm, hiện thuộc địa giới ngoại thành Hà Nội. Từ sau Đổi mới (1986) cho đến nay, nền thương mại nơi này đã có sự phát triển mạnh mẽ, khiến nó trở thành một trong những ngôi làng có tiềm lực tài chính nhất ở Bắc Bộ. Tuy nhiên, trong khi nghi lễ vòng đời người trở thành sự kiện được quan tâm đầu tư để qua đó người ta thể hiện sự thịnh vượng của mình, thì một hiện tượng khác cũng diễn trong những năm qua là sự tái xuất hiện của các truyền thống mang tính mộc mạc, thuần phác nhất. Là một người đang sinh sống ở ngôi làng này và có nhiều cơ hội quan sát, tác giả bài viết cho rằng, đây là hiện tượng đáng nghiên cứu và việc tìm hiểu nó có thể đem đến những nhận thức có ý nghĩa về sự phục dựng truyền thống trong xã hội làng xã đương đại.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Có nguồn gốc từ khoa học xã hội phương Tây, khái niệm “truyền thống” (*tradition*) xuất hiện muộn nhất vào thế kỷ XVIII. Việc nghiên cứu về truyền thống đã được quan tâm trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Theo Kroeber, truyền thống là “sự chuyển giao nội bộ xuyên thời gian” của các đặc điểm văn hóa [18; 411], và do vậy truyền thống là các đặc điểm cốt lõi được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ngược lại, Shils [25] khẳng định truyền thống thay đổi liên tục, mặc dù bản chất của nó là cố định. Shils lưu ý rằng mỗi một xã hội theo dòng chảy thời gian vẫn luôn có nguồn gốc là một truyền thống chung của nó. Hobsbawm [17] thì cho rằng có truyền thống “cũ” và cũng có truyền thống “mới”. Truyền thống mới là truyền thống thực tế đã được tạo ra, được dựng thành, được hợp lệ hóa và bao gồm cả những gì đang manh nha theo cách khó tìm nguồn hơn, trong thời gian ngắn và dễ xác định niên đại hơn nhưng có khả năng định hình nhanh hơn trong tiềm thức cộng đồng. Handler và Linnekin [16] lại quan niệm truyền thống là một quá trình liên tục, không phải thật cũng chẳng phải giả và cũng không có sự phân biệt nào giữa nghi lễ gốc và truyền thống được kiến tạo.

Những thập niên qua, truyền thống vẫn không ngừng là mối quan tâm của học giới, với công trình của Rigney [24], Wydra [28], Versluys [27]... Đáng chú ý, DeWaal [3] khẳng định “truyền thống cũ” liên tục được tái sáng chế trong một bối cảnh xã hội đã thay đổi - ví dụ như lễ hội hóa trang Cologne (Đức) vẫn được thực hành nhưng lại mang ý nghĩa mới tùy theo mục đích đương đại của chủ thể. Liên quan đến quan điểm tái sáng chế truyền thống của DeWaal, có thể kể đến các nghiên cứu của Oberholtzer [22], Erendil và Ulusoy [15], Sideris [26]...

Ở Việt Nam, một trong những quan điểm phổ biến và có ảnh hưởng lâu dài, mạnh mẽ nhất đến chính sách về văn hóa ở Việt Nam những thập niên qua là quan điểm cho rằng “truyền thống” và “hiện đại” là hai phạm trù cố định và tách biệt nhau [12], [21]. Điều đó được thể hiện, ví dụ, trong nghiên cứu về lễ hội và tín ngưỡng [1], [2], [5]. Khẳng định “truyền thống” bao gồm cả giá trị và phản giá trị, nó nhấn mạnh là cần bảo lưu, phát triển các giá trị và ngăn chặn, loại bỏ phản giá trị.

Tuy nhiên, trái với quan điểm trên, cũng tồn tại quan điểm rằng luôn có quá trình phục dựng và làm mới truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của chủ thể, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi. Điều này được thể hiện trong các nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Châm [11], Nguyễn Thị Hiền và Hoàng Cẩm [10], Nguyễn Chí Bền [6], Nguyễn Giáo và cộng sự [8]... Theo đó, không có một lần ranh hay sự đứt gãy dứt khoát giữa “truyền thống” và “hiện đại”. Quan điểm vừa nêu đang là xu hướng hiện nay.

Tóm lại, khác với giai đoạn trước, ngày càng có nhiều nghiên cứu ở Việt Nam khẳng định truyền thống là cái được tạo ra nhằm một mục đích nhất định của chủ thể và nằm trong một dòng chảy văn hóa diễn ra liên tục, điều gặp gỡ tình hình nghiên cứu trên thế giới. Bài viết này của chúng tôi góp thêm một tiếng nói ủng hộ quan điểm đó. Tuy đã có không ít nghiên cứu về nghi lễ tang ma, bao gồm nghi lễ tang ma của một cộng đồng người tại địa bàn nhất định hoặc của cả một sắc tộc nói chung, các nghiên cứu về nó ở khía cạnh phục dựng truyền thống vẫn chưa thật đáng kể. Ninh Hiệp đang ở trong quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ nhưng nhiều truyền thống của làng đã tái xuất hiện, đặc biệt là trong nghi lễ tang ma và điều này là đáng chú ý.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Về cách tiếp cận, trên quan điểm “tương đối văn hóa” và tiếp cận tổng thể là nguyên tắc chung của ngành nghiên cứu văn hóa hiện nay, chúng tôi hướng đến cái nhìn đa chiều đối với

vấn đề nghiên cứu và đặc biệt là chú trọng đến tiếng nói của những người liên quan nhất - người dân. Như các công trình nghiên cứu văn hóa học khác, nghiên cứu này xem chủ thể di sản văn hóa là người làm chủ hành vi của mình, có ý thức về điều mình làm và có đủ thẩm quyền giải thích hành vi đó hơn bất cứ ai khác. Vì thế, chúng tôi xác định người nghiên cứu phải “nhìn qua vai của họ”.

Với nghiên cứu này, tác giả tập trung vào phương pháp định tính, mà về cơ bản là phỏng vấn sâu. Tác giả cố gắng để đối tượng khảo sát của mình được nói nhiều đến mức có thể về những gì liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà họ cảm thấy quan tâm. Tiến hành hầu hết các phỏng vấn với đối tượng của mình theo cách thức “mở”, tức chọn dạng phỏng vấn phi cấu trúc (*unstructured interview*), tác giả mong muốn giúp họ thoải mái chia sẻ suy nghĩ của bản thân. Phỏng vấn phi cấu trúc, như ta biết, là phương pháp thông tin được dùng khá rộng rãi trong nghiên cứu. Phỏng vấn phi cấu trúc được dựa trên một kế hoạch rõ ràng, cụ thể nhưng có đặc điểm là kiểm soát ít nhất đối với các ứng đáp của thông tin viên. Nó có thể mạnh là rất linh hoạt do không bị ràng buộc bởi một bản hướng dẫn phỏng vấn nào. Mục đích của loại phỏng vấn này là làm cho các thông tin viên trở nên cởi mở nhất có thể, tự bày tỏ bản thân theo cách họ muốn và theo nhịp điệu của họ. Theo nguyên tắc “bão hòa thông tin” [19], với mỗi câu hỏi, chúng tôi hỏi ít nhất 5 - 7 người và chỉ dừng lại khi nhận thấy rằng không có thêm ý kiến nào khác.

Trong suốt quá trình phỏng vấn, tác giả cố gắng khích lệ thông tin viên của mình mô tả lại những diễn biến, sự kiện của cuộc đời họ vì điều này có thể có ảnh hưởng không nhỏ đến cách thức nhìn nhận của họ về vấn đề nghiên cứu, nhất là những thông tin viên đã có tuổi và có nhiều trải nghiệm liên quan.

Việc quan sát các thông tin viên trong môi trường phỏng vấn (nơi công cộng, nhà riêng...) cũng có thể đem lại những thông tin gắn với chủ đề phỏng vấn. Vì thế, tác giả không bỏ qua điều này. Tính trực tiếp là lợi thế của phương pháp đang được đề cập. Phương pháp quan sát, như ta vẫn biết, tạo ra ấn tượng trực tiếp về các sự kiện, quá trình và hành vi xã hội. Ấn tượng đó có được thông qua sự tri giác trực tiếp, là kết quả của những cảm giác ở thời điểm đó cộng với kinh nghiệm được tích lũy từ trước của người nghiên cứu.

Theo nguyên tắc đạo đức, tác giả cam kết với người được phỏng vấn về việc giữ bí mật thông tin của họ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Ninh Hiệp - nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội - có tên chữ là Phù Ninh (cũng từng có tên chữ là Ninh Trang), tên nôm là Nành, vốn thuộc phủ Từ Sơn, Bắc Ninh xưa. Trong các thư tịch còn lại, cái tên Phù Ninh được nhắc đến sớm nhất là ở *Thiền uyển tập anh*, một công trình ra đời vào thế kỉ XII - XIII viết về các tông phái thiền học và danh tăng của nước ta. Phù Ninh nằm trong huyện Đông Ngàn thuộc phủ Từ Sơn. Nếu phủ Từ Sơn được *Bắc Ninh địa dư chí* gọi là đất “văn học” của Bắc Ninh thì Đông Ngàn được đánh giá là nơi “văn hiến hơn cả”. Dấu ấn của nền văn hóa Nho giáo vẫn còn lưu lại trong đời sống của làng hiện nay.

Ninh Hiệp là một làng đa nghề từ rất sớm. Vì thế, người ta có thể tìm được ở đây hình ảnh của hầu hết các hoạt động lao động của người Kinh Bắc xưa. Ngoài nông nghiệp thì thủ công nghiệp và thương nghiệp là nghề chính của làng. Về thủ công nghiệp, làng nổi tiếng với

nghề làm vải, chế biến thuốc và sau này là nghề da. Về hoạt động thương nghiệp, người Ninh Hiệp cũng có truyền thống và kinh nghiệm không kém, thậm chí còn nổi bật hơn. Khi mô tả đặc điểm các làng thuộc huyện Đông Ngàn, *Bắc Ninh địa dư chí* đã nhận xét rằng làng này “lắm người buôn”. Xuất hiện từ thế kỉ X và có tiếng tăm ngay sau đó, chợ làng do vị trí giao thương rất thuận lợi đã là trung tâm trao đổi hàng hóa quan trọng của cả vùng. Ngoài ra, người Ninh Hiệp còn hướng sự quan tâm đến Thăng Long và các tỉnh phía bắc nhằm mở rộng thêm thị trường buôn bán. Ninh Hiệp từng được lấy làm ví dụ cho dạng làng có truyền thống về nghề thủ công và chuyên nghiệp hóa thương mại ở Việt Nam, truyền thống được xem là yếu tố có ý nghĩa nền tảng đối với mức độ của sự định hướng thị trường của một ngôi làng [8].

Sau Cách mạng (1945), trong thời kì kinh tế kế hoạch hóa, nền thương nghiệp của Ninh Hiệp đã bị hạn chế dù rằng những khoảng trống nhất định vẫn được mở ra từ sự thiếu hiệu quả của cơ chế cho khu vực “phi chính thức”. Với chủ trương đổi mới và nhất là thông thương biên giới Việt - Trung của Nhà nước cuối những năm 80, nền thương nghiệp này đã phục hồi và trở thành lĩnh vực mũi nhọn cho sự tăng trưởng của kinh tế làng nói chung và hộ gia đình nói riêng. Hiện nay, Ninh Hiệp đã là một làng buôn bán toàn phần với tuyệt đại đa số hộ gia đình là hộ làm thương nghiệp. Đây là một ví dụ cho nhận định rằng tương tự tình hình các nước hậu xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, việc tự do hóa nền kinh tế ở Việt Nam đã làm trỗi dậy ở mức độ chưa từng thấy nền thương mại quy mô nhỏ do phụ nữ nắm giữ. Ở Việt Nam, như nhiều nơi khác, kinh doanh quy mô nhỏ thường gắn với phụ nữ do được xem là phù hợp với tư duy có tính trực quan của họ, và trên thực tế thì luồng tiểu thương ở miền Bắc trước năm 1954 chủ yếu là nằm trong tay phụ nữ. Ninh Hiệp chính là một trong những làng/xã đứng đầu của miền Bắc, thậm chí cả nước, về sự phát triển kinh tế sau thời điểm bắt đầu Đổi mới đến nay và sự phát triển mạnh mẽ này có vai trò quyết định của nữ giới, những người kiểm soát hoàn toàn kinh tế gia đình [8].

Ở phương diện văn hóa, cũng trong sự biến đổi chung của nông thôn Việt Nam, nhiều vận động mới đã và đang xuất hiện ở Ninh Hiệp. Người Ninh Hiệp một mặt khước từ các thực hành văn hóa theo khuôn mẫu truyền thống, mặt khác không ngừng tiếp thu những yếu tố của nền văn hóa đô thị - công nghiệp. Trước hết, phải kể đến việc gia tăng bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể cũng như phi vật thể của dân làng, mà biểu hiện rõ nét chính là sự đầu tư nâng cấp di tích lịch sử và phục hồi các sinh hoạt văn hóa - tinh thần xưa như lễ hội, các sinh hoạt tín ngưỡng, các hình thức diễn xướng văn nghệ dân gian... Sau nữa, bên cạnh sự phục hưng mạnh mẽ của văn hóa truyền thống, lối sinh hoạt kiểu đô thị cũng đang không ngừng ghi dấu ở đây. Do mức sống cao, việc xây dựng nhà cửa theo thiết kế cầu kỳ, trang bị tiện nghi sinh hoạt tối tân, thưởng thức các loại hình giải trí có chất lượng, du lịch thường xuyên ở Âu Mỹ... là điều rất phổ biến với người Ninh Hiệp [7]. Bản thân người làng còn mở nhiều khu sinh thái có diện tích hàng hecta với các loại hình dịch vụ đa dạng để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa - tinh thần tại chỗ, thu hút nhiều ca sĩ, vũ đoàn và nhóm diễn viên hài ăn khách hàng đầu của thị trường miền Bắc về biểu diễn. Ví dụ, gần đây nhất, vào ngày 12/10/2024, một chương trình có tên “Gala Xiếc Việt Nam” đã được tổ chức tại làng. Bên cạnh đó, các nghi lễ vòng đời người cũng được dân làng chú trọng đầu tư. Chẳng hạn, việc dựng rạp đám cưới xa hoa nhiều trăm triệu, đặt may váy cưới lên đến hàng trăm triệu,

thuê áo dài vài chục triệu hay mời nghệ sĩ nổi tiếng đến hát với chi phí tới 400 - 500 triệu là một điều không quá hiếm gặp ở nơi đây. Những biến đổi văn hóa này phù hợp với tình hình chung của các làng ven đô [3], [4], [9], nhưng xét về cường độ thì có sự khác biệt.

4.2. Ứng xử với “truyền thống” trong nghi lễ tang ma ở địa bàn nghiên cứu

Khảo sát thực địa của chúng tôi cho thấy, sự phục dựng truyền thống trong nghi lễ tang ma của Ninh Hiệp diễn ra tập trung ở hai hiện tượng, thứ nhất là việc hàng khu đích thân đào huyệt, xây mộ cho người mới mất, và thứ hai là việc thân hữu đến thăm hỏi gia đình người đó liên tục trong vòng 49 ngày sau tang.

Theo truyền thống, hàng khu (láng giềng) có vai trò chính trong việc đào huyệt, đắp mộ ở Ninh Hiệp. Sau Đổi mới, do kinh tế phát triển, dịch vụ xuất hiện nhiều nên điều này không còn là nhất thiết. Một số nhà đã thuê nhân công. Một lý do nữa khiến nhiều nhà ưu tiên dùng dịch vụ là không muốn làm phiền người khác. Do vậy, phong tục cũ có nhạt đi. Tuy nhiên, những năm gần đây, tình hình đã thay đổi. Người ta cho rằng việc thuê nhân công làm việc này (đào huyệt, đắp mộ) sẽ khiến tình láng giềng bớt sự gắn kết, vì các gia đình trở nên xa cách hơn trong những sự kiện quan trọng của nhau. Hàng khu, vì thế, lại trở thành những người trực tiếp lo mộ phần khi một thành viên qua đời. Hiện nay, gần như không có ai nghĩ đến việc thuê dịch vụ đào mộ, đắp huyệt khi thân nhân mất. Từng có gia đình sống khép kín, khi người nhà mất không nhờ hàng khu mà thuê dịch vụ trọn gói đã bị chê trách là không có tình làng nghĩa xóm. Dưới áp lực dư luận, gia đình đó về sau đã có ý thức tham gia hoạt động chung hơn và cũng nhờ cậy hàng khu nhiều hơn khi hữu sự.

Hàng khu ở Ninh Hiệp hiện được xem là tổ liên gia. Mỗi tổ liên gia trước gồm 4 - 5 gia đình, nay lên tới 30 - 40 gia đình. Gia đình nào cũng nằm trong một tổ liên gia nhất định. Trong khoảng chục năm qua, tổ liên gia hoạt động một cách bài bản, chặt chẽ hơn khi có một cơ cấu nhân sự hoàn chỉnh. Để chuẩn bị cho tang lễ của một người trong tổ, tổ trưởng sẽ phân công ai vào việc nấy. Đến giờ đưa tang, đại diện hàng khu sẽ đọc một bài điều văn trong đó nhắc đến người mới mất với tư cách là một thành viên của hàng khu. Như một công thức, người đó thường được định danh là “công dân chuẩn mực” của hàng khu. Tiếp theo, đại diện tang gia sẽ có bài đáp từ. Sau đó, hàng khu xin phép gia đình di quan và một nhóm được phân công sẽ khiêng quan tài ra xe. Đến nghĩa địa, hàng khu đưa quan tài xuống xe rồi tiến hành hạ huyệt và đắp mộ. Mặc dù hàng khu có thể là các thương nhân với tài sản rất lớn, họ không ngần ngại làm những việc chân tay này bất kể điều kiện thời tiết. Xong việc, hàng khu sẽ về nhà đám ăn cơm. Nếu việc kết thúc vào thời điểm lỡ cỡ (ví dụ lúc 1, 2 giờ chiều), tang chủ sẽ cẩn thận hỏi ý hàng khu muốn dùng bữa luôn hay đợi đến tối. Bữa ăn này mang tính cộng cảm nên người ta thường cố gắng tham gia đầy đủ. Tại đây, họ sẽ có những cuộc chuyện trò thân tình với nhau và với tang quyến, cũng như ôn lại kỷ niệm về người quá cố.

Hàng khu xem việc hỗ trợ nhà đám là chuẩn mực làng xã mà mọi người cần coi trọng. Vì thế, nếu ai không hưởng ứng việc này thì hàng khu sẽ tỏ thái độ khi đến lượt gia đình người đó có đám. Nói cách khác, nhiều người Ninh Hiệp hiện nay đồng thuận với nhau trong việc củng cố lại một phong tục cũ mà qua đó quan hệ truyền thống làng xã cũng được củng cố theo. Mong muốn duy trì được phong tục trên còn được thể hiện qua việc người ta có những điều chỉnh khá linh hoạt. Chẳng hạn, nếu cần thiết, người ta sẽ thuê thêm một hai nhân công

trợ giúp hàng khu (chi phí do quỹ hàng khu trả). Và, trong bối cảnh đất chật người đông, trước tình hình một số người làng tràn sang sống ở địa bàn lân cận, có thêm một sự linh hoạt đặc biệt nữa: với những người làng nhưng hiện không cư trú ở làng mà cư trú gần làng, hàng khu (cũ) vẫn lo việc tang ma như thông lệ.

Còn việc thăm hỏi sau tang, như tên gọi, là việc sẽ diễn ra sau khi một người được chôn cất, có ý nghĩa như sự động viên, an ủi của thân hữu đối với tang gia. Trong thời gian ấy, tang gia lập bàn thờ cho người mới mất tại vị trí mà mọi người có thể thuận tiện vào thăm viếng, thường là ở phòng khách. Hàng ngày, đây cũng là nơi khách vào chơi mỗi buổi tối.

Thăm hỏi gia đình người chết sau tang là phong tục lâu đời ở làng xã Bắc Bộ và ở Ninh Hiệp cũng vậy - bà con chòm xóm sẽ đến chơi liên tục trong 49 ngày để ngôi nhà người mới mất trở nên ấm cúng và thân nhân người đó không quá đau buồn, bi lụy. Sau Cách mạng (1945), phong tục đang bàn (như nhiều phong tục khác) chịu ảnh hưởng nhất định bởi chủ trương của nhà nước về việc giản tiện hóa nghi lễ ma chay cưới xin [20]. Đến thời mở cửa, do bị cuốn vào việc buôn bán vốn chiếm quá nhiều thời gian và do chịu ảnh hưởng ít nhiều của nhịp sống hiện đại, người Ninh Hiệp cũng không còn quá chú ý vào việc này như trước. Tuy nhiên, thập niên qua, nó lại phục hồi mạnh mẽ, với sự quan tâm của hầu hết người làng.

Về phía chủ nhà, người ta dành nhiều thời gian và công sức cho việc đón tiếp người đến thăm mỗi ngày, bao gồm chuẩn bị trà, hoa quả và các đồ ăn nhẹ khác để mời khách. Họ cũng sẽ mua/ thuê thêm cốc chén hoặc bàn ghế nếu cần thiết. Mong muốn của chủ nhà là khách khứa đến càng đông càng tốt và để có được điều đó, họ tự thấy cần phải niềm nở thực lòng. Một phụ nữ (ngoài 50 tuổi, thôn 4) cho biết, sau một thời gian chăm sóc người chồng bị bệnh, chị đã rất đuối sức và chuỗi ngày tiếp khách liên tục kéo dài sau tang còn khiến chị còn sụt cân hơn nữa. Thế nhưng, chị vẫn luôn cố gắng đón tiếp khách chu đáo nhất có thể. “Chỉ qua ánh mắt hay giọng nói là người ta có thể thấy ngay rằng mình có mong khách đến hay không. Nếu mình không niềm nở, có thể ngay ngày hôm sau người ta sẽ không đến nữa!”, thông tin viên nói. Với những gia đình sống ở mặt đường và có cho thuê mặt bằng làm cửa hàng, họ còn phải đền bù cho người thuê số tiền lớn để lấy lại không gian cho việc tiếp khách. Về phía khách, người ta cũng phải thu xếp thời gian và việc gia đình để có thể dành một phần hoặc gần như toàn bộ buổi tối bên tang gia. Là thương nhân, sau một ngày buôn bán căng thẳng, buổi tối là lúc họ rất cần nghỉ ngơi để tái tạo năng lượng cho ngày hôm sau, tuy nhiên, họ cũng không nề hà khi dành 49 ngày liên tục cho việc thăm hỏi này (kể cả người có tuổi hoặc có bệnh). Mọi người sẽ quây quần uống nước, trò chuyện, đánh chẵn... bên cạnh bàn thờ và di ảnh người mới mất, nơi khói hương không lúc nào ngừng. Có những người cho biết, việc cố gắng ở lại đến gần nửa đêm khiến họ thực sự mệt mỏi, nhưng họ tự thấy về sớm thì thành ra nhạt với tang gia, mà họ thì hoàn toàn không muốn bị nhìn nhận theo cách như vậy.

Tuy hình thức là việc “vào chơi”, sự thăm hỏi sau tang không phải không có tính nghi thức, và hiện nay việc đó được xem như một yêu cầu cần đáp ứng nghiêm túc. Khi một người không nhiệt tình trong việc thăm hỏi tang gia mà mình có nghĩa vụ phải làm, người ấy sẽ bị phản ứng ngay trong lần xuất hiện tiếp theo. Một vị khách ở thôn 6, sau một thời gian gián đoạn việc thăm hỏi này, đã bị những người khác khiển trách khi gặp lại rằng: “Hơn tuần lễ mới thấy đến! Đừng có nói là bận đấy nhé! Ai cũng bận hết!”. Tóm lại, thân quyến người

mới mất, bạn bè, láng giềng... sẽ phê phán những người như vậy vì cho rằng họ vừa thiếu trách nhiệm, vừa vô tình.

Nói về lý do của sự phục dựng truyền thống qua việc hàng khu lo mộ phần cho người mới mất và thân hữu đến thăm hỏi sau tang lễ, nhiều người cho biết, ngoài ý nghĩa quen thuộc là tương trợ và an ủi tang gia thì những việc này còn được thực hiện với mong muốn củng cố quan hệ làng xã: “Tình làng nghĩa xóm là phải giữ! Làng mình là làng buôn bán, nhiều cái bấp bênh nên sự gần gũi giữa bà con là quý lắm!... Nếu không còn tình cảm giữa người làng với nhau thì rồi làng sẽ chỉ còn cái vỏ chứ không có lõi!” (nam, 50 tuổi, thôn 4), “Không vun đắp tình cảm thì không tránh khỏi tình trạng xóm giềng “ai biết nhà nấy”... Nhất là bây giờ người nhập cư đông, chưa kể làng lại sắp trở thành phường nữa, có thể phong tục sẽ bị loãng đi!” (nữ, 47 tuổi, thôn 3).

Việc được hàng khu lo mộ phần và việc nhiều người đến thăm hỏi sau tang là điều gia đình có đám trông đợi, vì nó không chỉ thể hiện tình cảm của mọi người dành cho người đã mất, mà còn là một ghi nhận cho sự tử tế trong lối sống của gia đình đó. Mong muốn có sự góp mặt nhiệt tình của mọi người, bởi thế, là mong muốn mạnh mẽ của người làng hiện nay. “Đây là cũng là cái thể diện! Mình phải ăn ở thế nào người ta mới vậy!”, một phụ nữ (40 tuổi, thôn 2) nói. Quả thực, việc bị người làng quay lưng trong chuyện này là một nỗi hổ thẹn. Có gia đình, do không xây dựng tốt quan hệ làng xã nên khi có người qua đời đã không được hàng khu lo việc đào huyệt, đắp mộ và đây là một tai tiếng. Cũng có gia đình trong những ngày sau tang không thấy mấy ai tới thăm hỏi đã phải chủ động gọi những người thân quen qua cho căn nhà có bóng người, vì không muốn trở thành chủ đề bàn tán. Đáng chú ý, một người phụ nữ vốn mang tiếng là “ghê gớm” (có lối cư xử mất lòng nhiều anh chị em nội ngoại và thậm chí còn đoạn giao với nhiều người trong số họ) sau khi có người con đột ngột qua đời đã liên tục đăng trên trang cá nhân điện tử những bài thơ được sưu tầm nói về tình cảm họ mạc và lòng khoan dung, độ lượng. Thái độ thành khẩn này của bà đã góp phần đem lại kết quả là những người đó tạm gác sự hiềm khích để góp mặt trong các sự kiện của tang lễ con trai bà cũng như việc thăm hỏi sau tang. Vì thế, người mới mất đã có một tang lễ giống như thông lệ.

Bên cạnh đó, qua việc tái lập phong tục cũ, người Ninh Hiệp còn hướng tới sự tạo dựng một bản sắc làng. Dù ngày nay Ninh Hiệp đã là một làng buôn toàn phần, tức một ngôi làng mà trong con mắt của nhiều người đã hiện đại hóa cao độ, người dân vẫn muốn tạo dựng hình ảnh làng mình như một nơi giữ được truyền thống văn hóa qua phong tục cũ chứ không phải là một ngôi làng chỉ biết đến vật chất. “Làng mình là làng văn hiến từ xưa, lại có truyền thống khoa cử! Phong tục của thời trước, mình nên giữ! Phải làm thế nào để người các nơi đến đây thấy rằng làng mình dù biến đổi thế nào thì vẫn có cái gốc, vẫn coi trọng lễ nghi!”, một nam giới trong làng (xấp xỉ 80 tuổi, thôn 6) nhấn mạnh.

5. Thảo luận

Như trên đã nói, nghề truyền thống của Ninh Hiệp không chỉ tồn tại trong quá khứ với sự có mặt của các thương nhân ở Thăng Long - Hà Nội và khắp đồng bằng, trung du Bắc Bộ, mà còn tiếp tục được phát huy trong thời hiện đại trên phạm vi cả nước. Nền thương mại này đã vươn dậy mạnh mẽ sau thời điểm Việt Nam đổi mới, đặc biệt sau khi biên giới Việt - Trung thông thương [13] và duy trì cho đến nay. Trong những thập niên qua, việc buôn bán

của Ninh Hiệp ngày càng phát triển, khiến làng trở thành một trong những ngôi làng thịnh vượng nhất ở Việt Nam. Lẽ tất yếu, văn hóa làng trong bối cảnh trên có nhiều biến đổi theo hướng hiện đại hóa và đô thị hóa. Phú quý sinh lễ nghĩa, nghi lễ vòng đời người trở thành những sự kiện được đầu tư. Mặt khác, như cũng đã nói, một xu hướng nữa đồng thời diễn ra, đó là phục dựng truyền thống ở các nghi lễ vòng đời người trong những năm gần đây mà lại là các truyền thống giản dị nhất, chứa đựng nhiều cung bậc ý nghĩa hơn là sự phô trương đơn thuần. Việc hàng khu đào huyệt và đắp mộ cho láng giềng hay việc thân hữu thăm hỏi gia đình người mới mất liên tục 49 ngày sau tang là ví dụ.

Qua tìm hiểu, chúng tôi được người dân cho biết rằng, do yếu tố kinh tế ngày càng tác động mạnh đến đời sống mọi mặt của một làng buôn và do làn sóng nhập cư vào Ninh Hiệp làm ăn ngày một lớn khiến tính thống nhất cộng đồng có thể mai một, việc họ phục dựng nét văn hóa truyền thống nói trên là nhằm củng cố văn hóa làng. Trong thời điểm làng sắp trở thành phường, nỗi lo ngại về việc thiếu đi sự gắn kết trong cộng đồng là điều có thật.

Sự phục dựng truyền thống qua ví dụ vừa nêu của Ninh Hiệp góp thêm một bằng chứng vào cuộc thảo luận về sự tồn tại của văn hóa cổ truyền trong bối cảnh hiện đại hóa - toàn cầu hóa. Những gì xuất hiện ở địa bàn khảo sát nói lên rằng, trái với quan điểm của các nhà hiện đại, tiêu biểu là Parson [23], quan hệ xã hội truyền thống không nhất định tan rã trong xã hội hiện đại. Trường hợp Ninh Hiệp chỉ ra, một trong những ý nghĩa quan trọng của sự phục dựng truyền thống trong nghi lễ tang ma là để hướng tới việc làm vững mạnh quan hệ làng xã trong bối cảnh mới vốn đang có những thách thức. Mặt khác, qua hiện tượng phục dựng truyền thống đang bàn, ta còn có thể thấy sự đa chiều trong thực hành văn hóa của một làng buôn, bởi ngoài khía cạnh tính toán là điều tất yếu hiện diện thì các khía cạnh như chuẩn mực làng xã, thể diện, tình cảm, sự kiến tạo bản sắc... cũng chi phối hành vi của người dân ở mức độ rất đáng chú ý. Bên cạnh đó, người làng cũng muốn thông qua sự phục dựng truyền thống làm sống lại các giá trị đạo đức một thời, vì những phong tục được phục dựng đều ít nhiều gắn với các chuẩn mực đạo đức: sự tương trợ, sự động viên tinh thần, sự gắn bó trên phương diện tình làng nghĩa xóm... Điều này nằm trong nỗi trăn trở chung của xã hội Việt Nam đương đại, khi nguy cơ “xói mòn”, “suy thoái”... về đạo đức và nhu cầu khôi phục lại các giá trị đạo đức truyền thống đều là những vấn đề đang được quan tâm.

6. Kết luận

Nghi lễ tang ma nhận được sự quan tâm lớn của dân gian nói chung với tư cách một phần quan trọng của nghi lễ vòng đời người, và người dân ở ngôi làng trong bài viết của chúng tôi cũng vậy. Không những thế, tại đây - nơi tốc độ hiện đại hóa và đô thị hóa diễn ra với cường độ cao - sự quan tâm đến nó còn trở nên rất đáng kể, trong đó nhiều truyền thống được hồi sinh, được gia tăng sức sống và được cấp thêm ý nghĩa mới. Điều đó cho thấy, trong xã hội đương đại, văn hóa truyền thống không tất yếu mất đi hoặc phai nhạt mà có thể hiện diện bền bỉ và nhiều khi mạnh mẽ hơn. Đồng thời, qua thực tiễn nghiên cứu, ta cũng có thể hiểu thêm được tính đa chiều trong những thực hành văn hóa của một ngôi làng nơi thương mại là nghề mưu sinh chính.

Tài liệu tham khảo**Tiếng Việt**

- [1]. Đặng Nghiêm Vạn (1999), “*Gạn đục, khơi trong trong các hoạt động tín ngưỡng*”, *Tư tưởng Văn hóa*, 2: 18- 20.
- [2]. Đoàn Văn Chúc (1993), “*Gây dựng lễ - tết - hội của xã hội mới*”, nhiều tác giả, *Kỷ yếu hội nghị về lễ hội Hà Nội*, Sở VH TT Hà Nội.
- [3]. Lê Du Phong và cộng sự (chủ biên) (2002), *Ảnh hưởng của đô thị hóa đến nông thôn ngoại thành Hà Nội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Lê Quang Hưng (chủ biên) (2015), *Sự biến đổi văn hóa truyền thống vùng ven đô Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [5]. Lê Quý Đức (1996), “*Thực trạng lễ hội dân gian cổ truyền ở nước ta hiện nay*”, *Văn hóa dân gian*, 1: 21-24.
- [6]. Nguyễn Chí Bền (2013), “*Phục dựng các lễ hội truyền thống ở Việt Nam: Bảo tồn hay “sáng tạo truyền thống*”, in trong: Nhiều tác giả, *Việt Nam học, Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ tư: Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững*, tập 2, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Giáo (2011), “*Hành trình tìm lại vị thế trong gia đình truyền thống ở người lập nghiệp xa quê qua nghiên cứu trường hợp xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội*”, *Văn hóa dân gian*, 1: 55-65.
- [8]. Nguyễn Giáo, Lê Thị Thùy Ly (2020), “*Giữ cũ hay làm mới: Xung đột và thương thỏa giới trong lễ hội ở một làng miền Bắc*”, *Nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, 3: 36-44.
- [9]. Nguyễn Hữu Minh (2003), “*Đô thị hóa và sự phát triển nông thôn ở Việt Nam: Một số vấn đề cần quan tâm nghiên cứu*”, *Xã hội học*, 3: 15-20.
- [10]. Nguyễn Thị Hiền, Hoàng Cầm (2012), “*Sáng tạo truyền thống: Nghiên cứu trường hợp Giỗ tổ Hùng Vương vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm*”, nhiều tác giả, *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong xã hội đương đại*, Nxb VH TT, Hà Nội.
- [11]. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb VH TT, Hà Nội.
- [12]. Phạm Như Cương và cộng sự. (1987), *Một số vấn đề phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Tiếng Anh**
- [13]. Beresford, M., Dang, P. (2001), *Economic Transition in Vietnam*, Edward Elgar Publishing, Cheltenham.
- [14]. DeWaal, J. (2019), “*The Re-invention of Tradition: Form, Meaning and Local Identity in Modern Cologne Carnival*”, *Central European History*, 46.5: 495-532.
- [15]. Erendil, A.T., Ulusoy, Z. (2002), “*Reinvention of Tradition as an Urban Image: the Case of Ankara Citadel*”, *Environment and Planning B: Planning and Design*, 29.5: 655-672.
- [16]. Handler, R., Linnekin, J. (1984), “*Tradition, Genuine or Spurious*”, *The Journal of American Folklore*, 97.385: 273-290.
- [17]. Hobsbawm, E., Ranger, T. (1983), *The Invention of Tradition*, Cambridge University Press, New York.
- [18]. Kroeber, A.L. (1948), *Anthropology*, Harcourt, New York.

PHỤC DỰNG TRUYỀN THỐNG TRONG NGHI LỄ TANG MA - NGHIÊN CỨU TẠI XÃ NINH HIỆP, HUYỆN GIA LÂM, HÀ NỘI¹

Lê Thị Thùy Ly

Viện Nghiên cứu văn hóa - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Email: lenthuyly@gmail.com.

Ngày nhận bài: 20/9/2024

Ngày phản biện: 21/9/2024

Ngày tác giả sửa: 26/9/2024

Ngày duyệt đăng: 06/01/2025

Ngày phát hành: 15/01/2025

Bài viết đề cập đến sự phục dựng truyền thống trong nghi lễ tang ma² ở một làng buôn bán nổi tiếng của ngoại thành Hà Nội hiện nay, cái bọc lộ qua nhiều hiện tượng mà trong đó nổi bật lên vai trò của láng giềng gần gũi và thân hữu. Cụ thể, đó là sự trở lại của tục hàng khu lo mộ phần cho người mới mất và bạn bè thân thích đến thăm hỏi gia đình người đó trong 49 ngày liên tục sau tang. Kết quả nghiên cứu góp phần chỉ ra, văn hóa truyền thống không phải sẽ luôn mất đi hoặc mai một trong bối cảnh hiện đại hóa như nhận định của nhiều lý thuyết hiện đại, mà vẫn có thể tồn tại và thậm chí phát triển mạnh mẽ hơn. Nó cũng phản ánh tính đa chiều trong các thực hành văn hóa của con người, khi ở địa bàn nghiên cứu, ta có thể quan sát thấy các khía cạnh như chuẩn mực làng xã, thể diện, tình cảm, sự tính toán, mong muốn kiến tạo bản sắc... đã đan xen vào nhau một cách tinh tế trong những gì chi phối các hành vi liên quan đến vấn đề này.

Từ khóa: Phục dựng truyền thống; Nghi lễ tang ma.

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp cơ sở *Phục dựng truyền thống trong nghi lễ tang ma: Nghiên cứu trường hợp Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội*, thực hiện năm 2024, Lê Thị Thùy Ly chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Văn hóa (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) chủ trì.

² Nghi lễ (*ritual*) thường được hiểu là hành vi biểu thị sự tôn kính lặp đi lặp lại, có hoặc không có yếu tố tôn giáo. Trường hợp thứ nhất, nó là những thực hành hướng tới một ý niệm thiêng liêng và hay mang ý nghĩa cầu khẩn; trường hợp thứ hai, nó là những thực hành mang tính trang trọng trong đời thường. Với bài viết này, “nghi lễ” được chúng tôi dùng để chỉ các thực hành (nghi thức, phong tục...) liên quan đến việc tang ma nói chung, mang tính thiêng hoặc không.